TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19a/**2025/HNGĐ-ST.
Ngày 21/01/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào và bà Vũ Thị Toan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Kim Dung – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Lương Nguyễn Thảo P - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 301/2024/TLST- HNGĐ, ngày 18/11/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim O – Luật sư , Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh T. *Có mặt*.

- *Bị đơn:* Anh **Phan Tiến H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị và anh Phan Tiến H kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/3/2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn,

thường xuyên cãi chửi nhau, anh H nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình như đánh, cầm dao đe doạ đánh chị, năm 2022 hai vợ chồng đi lao động ở Đài Loan anh H cũng nhiều lần đánh chửi chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu khó tu chí làm ăn, hay tụ tập chơi bời, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau, thực tế hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị K đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở.

Tại phiên toà, chị K vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Tiến H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị K xác định chị và anh Phan Tiến H có 02 con chung là cháu Phan Tiến H1, sinh ngày 12/02/2007 và cháu Phan Bảo L, sinh ngày 10/8/2017, chị đề nghị giao 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Tiến H1 là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Phan Bảo L là 2.000.000 đồng/tháng, cả hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H1 và cháu L đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định chị và anh Phan Tiến H, không có tài sản chung, nợ chung không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Phan Tiến H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị K kết hôn với nhau vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/3/2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau, do tức giận không kiềm chế được anh có được đánh, đạp chị K một lần và có được cầm dao đe doạ chị K tuy nhiên không gây thương tích gì, nguyên nhân của việc mâu thuẫn là do hai vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh nghi ngờ chị K1 có quan hệ ngoại tình với người khác, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh xác định hiện nay vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị K, anh mong muốn chị K suy nghĩ lại để quay về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, vì hiện nay các con còn nhỏ.

Tại phiên toà, anh H xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức trầm trọng, chị K đề nghị ly hôn, anh không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H xác định, anh và chị Nguyễn Thị K có 02 con chung là cháu Phan Tiến H1, sinh ngày 12/02/2007 và cháu Phan Bảo L, sinh ngày 10/8/2017, nếu ly hôn anh đề nghị giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi

dưỡng, không đề nghị chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định anh và chị Nguyễn Thị K, không có tài sản chung, nợ chung không đề nghị Toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phan Tiến H.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung là cháu Phan Tiến H1 và Phan Bảo L cho anh Phan Tiến H trực tiếp nuôi dưỡng, chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Tiến H1 là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Phan Bảo L là 2.000.000 đồng/tháng, cả hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H1 và cháu L đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Phan Tiến H cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tiến hành xác minh tại thôn K, xã P, huyện Y; lấy ý kiến của các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị K và anh Phan Tiến H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/3/2006 là hôn nhân hợp pháp; Chị K khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và

giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh Phan Tiến H có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị K và anh Phan Tiến H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế chị K đề nghị được ly hôn với anh H; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh H xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chị K đề nghị ly hôn anh không nhất trí ly hôn vì hiện nay vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị K, anh mong muốn chị K suy nghĩ lại để quay về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mặt khác các con hiên nay còn nhỏ và đề nghị Tòa án giải theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh H là đúng thực tế, tuy lời khai các bên không trùng khớp nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, hiện nay đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế; anh H cũng thừa nhận quá trình chung sống anh chưa thực sự tu chí làm ăn; sau khi xảy ra mâu thuẫn cả hai cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; mặt khác cả chị K và anh H đều xác định anh H có hành vi đe doạ và đánh chị K, là những hành vi mang tính chất bạo lực gia đình là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc chị K đề nghị ly hôn, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phan Tiến H.

[2.2] *Về con chung:*

Quá trình chung sống, chị K và anh H xác định có 02 con chung là cháu Phan Tiến H1, sinh ngày 12/02/2007 và cháu Phan Bảo L, sinh ngày 10/8/2017. Tại phiên toà anh H đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung; chị K cũng nhất trí đề nghị giao 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 và cháu L mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng cho đến khi cháu H1 và cháu L đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, vì hiện nay chị không chỗ ở ổn định.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn K, xã P, huyện Y và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện: Cháu H1, cháu L hiện nay đang ở cùng anh H; anh H có nhà ở ổn định, hiện nay anh H ở nhà làm nông nghiệp và các công việc tự do khác mức thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng, đảm bảo các điều kiện để nuôi con, mặt khác ý kiến của cháu H1 và cháu và L đều có nguyện vọng muốn ở cùng anh H vì đã quen môi trường sống, sinh hoạt, học tập; còn đối với chị Nguyễn Thị K hiện nay không có chỗ ở ổn định, hiện nay chị K làm công việc tự do thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng, chị K cũng nhất trí giao cả hai con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của các con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của con, cần giao cháu Phan Tiến H1 và cháu Phan Bảo L cho anh Phan Tiến H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con, cũng như không làm xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt, học tập của các cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con chung không đề nghị chị K cấp dưỡng; tuy nhiên chị Nguyễn Thị K tự nguyện đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu Phan Tiến H1 là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Phan Bảo L là 2.000.000 đồng/tháng, cả hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu H1 và cháu L đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, việc chị K tự nguyện cấp dưỡng như trình bày ở trên là phù hợp với điều kiện sinh hoạt học tập của các con, và phù hợp với điều kiện kinh tế, thu nhập của chị K nên cần chấp nhận. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị K và anh Phan Tiến H đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, anh Phan Tiến H không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị Nguyễn Thị K với anh Phan Tiến H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Phan Tiến H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 01/3/2006 tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang)*. Quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Tiến H1, sinh ngày 12/02/2007 và cháu Phan Bảo L, sinh ngày 10/8/2017 cho anh Phan Tiến H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Tiến H1 là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng; cấp dưỡng nuôi cháu Phan Bảo L là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng. Cả hai cháu là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu H1 và cháu L đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002222, ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, chị K phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Anh Phan Tiến H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Huệ **Lộc Thị Kim Thơm** **Vũ Mạnh Hồng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Phúc Ninh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng